TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-PT
Ngày 16-12-2021
V/v kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thông và ông Nguyễn Anh Ửng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc *"Kiện đòi tài sản"*,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 111/TB-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Minh T; địa chỉ: Số 97/4 TS, phường TQ, quận T, thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Văn Nh; địa chỉ: Thôn NP, xã NĐ, huyện K, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 09-6-2021)* – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N và bà Khấu Thị Kim K; cùng địa chỉ: Thôn NH, xã NN, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Đinh Văn L; địa chỉ: Thôn NT (*nay là thôn PR*), xã NĐ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Diệu A và anh Nguyễn Đức Th; cùng địa chỉ: Thôn NH, xã NĐ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Chị A có mặt, anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Bùi Thị H và ông Võ Văn Â; cùng địa chỉ: Thôn NT, xã NN, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Chị H có mặt, anh Â có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Khấu Thị Kim T; địa chỉ: Thôn NH, xã NĐ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bà Khấu Thị Kim Th; địa chỉ: Thôn PR, xã NĐ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Văn Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-5-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Minh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Văn Nh trình bày*:**

Do có mối quan hệ họ hàng nên ngày 10-10-2009, bà T nhờ vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Khấu Thị Kim K nhận chuyển nhượng giúp quyền sử dụng đất thì ông N, bà K đồng ý. Năm 2009, ông N, bà K nhận chuyển nhượng giúp bà T 02 thửa đất với giá 550.000.000 đồng, trên đất có khoảng 1.500 cây cao su. Năm 2010, ông N, bà K tiếp tục nhận chuyển nhượng giúp bà T 01 thửa đất trống với giá 130.000.000 đồng. Bà T đã chuyển cho ông N, bà K tổng số tiền 836.300.000 đồng, gồm 680.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 156.300.000 đồng tiền chuyển dư.

Do ở xa không thể canh tác nên bà T nhờ ông N, bà K trông coi, canh tác, thu hoạch mủ cao su tại 03 thửa đất nêu trên. Ông N, bà K đã cạo mủ cao su từ năm 2015 đến năm 2017 nhưng không giao lại số tiền thu được cho bà Tiên. Do đầu tư không có hiệu quả nên bà T nhờ ông N, bà K chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho người khác. Ông N, bà K đã chuyển nhượng 03 thửa đất giúp bà T được tổng số tiền 1.100.000.000 đồng, cụ thể: 01 thửa giá 400.000.000 đồng; 01 thửa giá 500.000.000 đồng và 01 thửa ông N, bà K nhận chuyển nhượng với giá 200.000.000 đồng.

Sau khi chuyển nhượng, ông N, bà K chỉ giao cho bà T tổng số tiền 750.000.000 đồng. Từ đầu năm 2017, bà T liên tục yêu cầu ông N, bà K trả toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng còn lại nhưng ông N, bà K không trả. Ngày 19-9-2019, bà T đến nhà ông N, bà K đòi tiền thì ông N, bà K chỉ trả 140.000.000 đồng và thừa nhận còn nợ lại 210.000.000 đồng. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông N, bà K phải trả toàn bộ số tiền 210.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm (*0,83%/tháng*), cụ thể:

- Tiền lãi của 350.000.000 đồng tính từ ngày 01-7-2017 đến ngày 19-9-2021: 350.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 26 tháng 19 ngày = 77.370.000 đồng.

- Tiền lãi của 210.000.000 đồng tính từ ngày 20-9-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 20-9-2021: 210.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm = 42.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà T yêu cầu ông N, bà K phải trả là 329.370.000 đồng, gồm 210.000.000 đồng tiền gốc, 119.370.000 đồng tiền lãi và tiếp tục tính lãi cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền 210.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Khấu Thị Kim K trình bày:

Ông bà thừa nhận từ năm 2009 đến năm 2013, bà T có chuyển cho ông bà tổng số tiền 680.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng giúp 03 thửa đất.

Khoảng cuối năm 2015, do cần tiền nên bà T nhờ ông bà chuyển nhượng lại 01 thửa đất với giá 400.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng, ông bà đã chuyển cho bà T 04 lần với tổng số tiền 406.000.000 đồng.

Năm 2017, ông bà tiếp tục chuyển nhượng giúp bà T 01 thửa đất với giá 550.000.000 đồng (*bà T đưa giá 500.000.000 đồng, nếu chuyển nhượng cao hơn thì cho người môi giới đất*). Sau khi chuyển nhượng, ông bà đã chuyển cho bà T 02 lần với tổng số tiền 350.000.000 đồng; còn 150.000.000 đồng ông bà giữ lại để trả tiền công chăm sóc cây cao su từ năm 2009 đến năm 2017.

Đối với thửa đất còn lại là đất trống, do cần tiền gấp nên bà T tự chuyển nhượng cho ông bà với giá 200.000.000 đồng.

Ngày 19-9-2019, bà T đến nhà ông bà để đối chiếu công nợ, cụ thể: Bà T phải trả cho ông bà tiền công chăm sóc cây cao su là 168.000.000 đồng, ông bà giảm 8.000.000 đồng, còn 160.000.000 đồng. Ông bà phải trả cho bà T 200.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng thửa đất trống và 150.000.000 đồng đã giữ lại từ việc chuyển nhượng 02 thửa đất trước đó. Số tiền còn lại ông bà phải trả cho bà T là 190.000.000 đồng; ông bà đã trả đầy đủ bằng tiền mặt. Do tin tưởng nên ông bà không lập văn bản, giấy tờ gì, tuy nhiên có vợ chồng anh Â, chị H và vợ chồng anh Th, chị A làm chứng.

Ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

- *Ông Đinh Văn L:* Ông biết bà T qua các lần đi thiện nguyện tại xã NN nhưng ông không chứng kiến việc bà T với ông N, bà K chốt nợ và thanh toán các khoản tiền như thế nào, ông chỉ nghe bà Ch (*người đi cùng đoàn thiện nguyện với bà T*) nói rằng ông N, bà K đã trả cho bà T khoảng hơn 100.000.000 đồng, ngoài ra ông không biết gì thêm.

- *Anh Nguyễn Đức Th và chị Nguyễn Thị Diệu A:* Anh chị là con gái và con rể của ông N, bà K. Ngày 19-9-2019, anh chị đến nhà ông N, bà K thì gặp vợ chồng anh Võ Văn Â và chị Bùi Thị H, bà T, bà Ch, ông K (*bà Ch và ông K đi cùng đoàn thiện nguyện với bà T*). Sau khi các bên nói chuyện thì anh chị được biết bà T chuyển nhượng 01 thửa đất cho ông N, bà K với giá 200.000.000 đồng; đồng thời bà T lấy thêm 150.000.000 đồng mà bà K đã giữ lại từ việc chuyển nhượng 02 thửa đất trước đó. Hai bên thống nhất bà T phải trả tiền công chăm sóc cây cao su cho ông N, bà K là 160.000.000 đồng; số tiền còn lại bà T thực nhận và bà Ch trực tiếp đếm là 190.000.000 đồng.

- *Anh Võ Văn Â và chị Bùi Thị H:* Anh chị là người nhận chuyển nhượng của ông N, bà K thửa đất có cây cao su giá 400.000.000 đồng. Anh chị không nhớ rõ vào thời gian nào, bà K gọi điện nhờ anh chị cầm giấy viết tay mà anh chị đã nhận chuyển nhượng đến nhà ông N, bà K để đưa cho một người phụ nữ mà ông N, bà K gọi bằng thím (*anh chị không biết tên*). Tại đây anh chị nghe ông N, bà K thỏa thuận nhận chuyển nhượng một thửa đất trống của người phụ nữ đó với giá 200.000.000 đồng. Bà K tính tiền công chăm sóc cây cao su là 168.000.000 đồng và giảm 8.000.000 đồng, còn lại 160.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền công, bà K đưa lại cho người phụ nữ số tiền 150.000.000 đồng mà bà

K đã giữ lại sau khi chuyển nhượng 02 thửa đất trước đó. Ngoài ra anh chị không biết gì thêm.

- *Bà Khấu Thị Kim T:* Bà không nhớ rõ thời gian nào nhưng ông N có viết giấy chuyển nhượng đất rẫy, nội dung: Ông N, bà K chuyển nhượng cho bà T 01 thửa đất rẫy với giá 130.000.000 đồng; ông N, bà K đã nhận đủ số tiền 130.000.000 đồng. Bà là người làm chứng nhưng sau khi đọc thì bà không đồng ý ký tên vì thực tế bà T không giao tiền ông N, bà K. Ngoài ra bà không biết gì thêm.

- *Bà Khấu Thị Kim Th:* Bà là chị gái của bà K, làm nghề buôn bán nông sản. Tháng 4-2014, bà K đưa cho bà số tiền 25.000.000 đồng và nói là tiền bà T gửi nhờ bà K chốt giùm cho bà T 05 tấn cà phê. Khoảng cuối năm 2014, bà T có gặp bà và bà K để lấy số tiền 40.000.000 đồng từ việc bán cà phê. Ngoài ra bà không biết gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 20-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 147, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 117, Điều 119, Điều 401, Điều 502, Điều 466, Điều 470, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27-9-2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Văn Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 119.370.000 đồng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi 119.370.000đ (*một trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 154.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Bà T và ông N, bà K đều thừa nhận bà T có chuyển tiền nhờ ông N, bà K nhận chuyển nhượng giúp 03 thửa đất, sau đó chuyển nhượng lại cho người khác với giá 1.100.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Bà T cho rằng sau khi chuyển nhượng, ông N, bà K mới chuyển cho bà 890.000.000 đồng, còn nợ lại 210.000.000 đồng. Ông N, bà K thì cho rằng ông bà đã chuyển cho bà T 756.000.000 đồng; sau khi trừ tiền công quản lý, chăm sóc 154.000.000 đồng, ông bà chỉ còn nợ bà T 190.000.000 đồng và đã trả đủ số tiền này vào ngày 19-9-2019.

Xét thấy, bà T thừa nhận ngày 19-9-2019, ông N, bà K trả thêm cho bà 140.000.000 đồng tiền mặt. Ông N, bà K cho rằng ngày 19-9-2019, ông bà đã trả cho bà T 190.000.000 đồng tiền mặt nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được.

Xét lời khai của những người làm chứng: Anh Th, chị A khai ngày 19-9-2019, anh chị chứng kiến việc ông N, bà K đưa 190.000.000 đồng cho bà T tại nhà của ông N, bà K nhưng anh chị là con gái và con rể của ông N, bà K; ngoài lời khai của anh chị thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xác định lời khai của anh Th, chị A là khách quan. Đối với anh Â, chị H tuy không có quan hệ họ hàng thân thích với ông N, bà K và xác định có chứng kiến việc ông N, bà K trả tiền cho bà T nhưng lại không nhớ thời gian và không trực tiếp đếm tiền, đồng thời không biết người phụ nữ mà anh chị gặp tại nhà ông N, bà K có phải là bà T hay không nên cũng không có căn cứ công nhận lời khai của anh Â, chị H.

Ông N, bà K chỉ chứng minh được đã trả cho bà T tổng số tiền 896.000.000 đồng (*gồm chuyển khoản 756.000.000 đồng và đưa tiền mặt 140.000.000 đồng*) nên có căn cứ xác định số tiền ông N, bà K chưa trả cho bà T là 204.000.000 đồng.

Đối với tiền công chăm sóc cây cao su: Do ông N, bà K không có yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét; ông N, bà K có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ nên không chấp nhận là không đúng sự thật khách quan của vụ án.

[2.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Đối với số tiền gốc 204.000.000 đồng thì nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 154.000.000 đồng và không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.5]. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 154.000.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp; xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1, khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T về việc buộc ông Nguyễn Văn N và bà Khấu Thị Kim K phải trả số tiền gốc 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi 119.370.000đ (*một trăm mười chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh T, buộc ông Nguyễn Văn N và bà Khấu Thị Kim K phải trả cho bà Lê Thị Minh T số tiền 154.000.000đ (*một trăm năm mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho bà Lê Thị Minh T số tiền 10.707.000đ (*mười triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Khấu Thị Kim K phải chịu 7.700.000đ (*bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà Lê Thị Minh T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký tên, đóng dấu)*

Ngô Đức Thọ